

Bản án số: 134/2022/HS-PT
Ngày 24-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch.

Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 17 và 24 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 75/2022/TLPT-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Lê Thị Q và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 370/2021/HS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thành C (tên gọi khác V), sinh năm 1971, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: số 2/96, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thành T (đã chết) và bà Huỳnh Thị T; có vợ là bà Huỳnh Thị Cẩm H và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 04/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Phạm Thành V, sinh năm 1977, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: số 13/4 Trần Quang K, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thành T (đã chết) và bà Huỳnh Thị T; có vợ là bà Phạm Thị Thu H và 02 người con; tiền án, tiền sự: không;

bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 04/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Lữ Thành C, sinh năm 1977, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: số 44/15, tổ 15, ấp M, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Văn H và bà Đoàn Thị G; có vợ là bà Nguyễn Thị O và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 08/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Nguyễn Hà L, sinh năm 1982, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: số 28/8/2, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hà T (đã chết) và bà Trần Thị Thoại Y; có vợ là bà Phạm Thị P và 01 người con; tiền sự: không; tiền án: ngày 23/01/2019, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 17 tháng 02 ngày tù về tội Đánh bạc (hình phạt tù bằng thời giam tạm giam, đóng án phí tháng 8/2019); nhân thân: ngày 27/3/2013, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng tù về tội đánh (đóng án phí ngày 17/6/2013); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 08/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt

5. Dương Thụy Thúy H, sinh năm 1980 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: số 491/5, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn L (đã chết) và bà Huỳnh Thị C (đã chết); có chồng là ông Nguyễn Công M và 02 người con; tiền sự: không; tiền án: ngày 16/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (chưa chấp hành xong án phạt); tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 12/5/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Trần Thị Kim D, sinh năm 1978 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: số 536/24 (số cũ 17/19B), khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị C; có chồng là ông Võ Tuấn H và 02 người con; tiền sự: không; tiền án: ngày 07/6/2015, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (chưa chấp hành án); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021

đến ngày 02/9/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Ngô Trọng S, sinh năm 1993, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: số 669, khu phố Đô, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn P và bà Trần Thị H; có vợ là bà Nguyễn Thị Mai L và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 27/01/2011, bị Tòa án nhân dân huyện D (nay là thành phố D) xử phạt 05 tháng 11 ngày tù về tội “Đánh bạc” (thời gian chấp hành án phạt tù bằng thời gian tạm giam, đóng án phí và đóng phạt bổ sung ngày 07/7/2011); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 04/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Nguyễn Thanh B, sinh năm 1990, tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: số 31/8, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: 9/3, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L và bà Huỳnh Thị H, có vợ là bà Tống Thị Bích H và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 08/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Đặng Lê T (tên gọi khác N), sinh năm 1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã An, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thanh T (đã chết) và bà Lê Thị Phương Đ; tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 04/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

10. Trần Thành Đ, sinh năm 1992, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: số 107/8, đường T, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Bùi Thị N; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 04/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

11. Nguyễn Trường V, sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: ấp 1, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M; có vợ là bà Nguyễn Thị T và 02 người con; tiền án: không; tiền sự: ngày 12/11/2020, Công an xã B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đóng phạt ngày 08/02/2021); bị tạm giữ từ ngày 08/01/2021 đến ngày 17/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

12. Lê Thị Q, sinh năm 1978, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Như Đ và bà Lê Thị M; bị cáo có chồng là ông Lê Mai D và 02 người con, tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 31/5/2016, Tòa án nhân dân thành phố B tuyên bố phạm tội đánh bạc, miễn trách nhiệm hình sự, tuyên bố trả tự do tại phiên tòa (đóng án phí ngày 10/5/2017); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 02/9/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

13. Bùi Sử Thi K, sinh năm 1984, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: số 29/24 khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn E và bà Sử Bạch L; tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 04/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

14. Tăng Cẩm H, sinh năm 1990, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: số 161/19A khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: số 96/26 tổ 8, khu phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Cẩm H (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); có vợ là bà Nguyễn Ngọc Thủy T và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 08/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

15. Lê Hoàng L (tên gọi khác P), sinh năm 1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: ấp 3, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị H; có vợ là bà Nguyễn Thanh H và có 01 người; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 10/10/2018, Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 04/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

16. Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1976, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: ấp 3A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị L (chết); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 02/9/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

17. Lê Thị H, sinh năm 1977, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: tổ 70 khu phố 9, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Khắc H và bà Phạm Thị V; có chồng Phan Thanh S (đã ly hôn); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 12/5/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo, 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/01/2021, Phạm Thành Vinh, Phạm Thành Cu và tên C (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tổ chức chơi tài xỉu thắng thua bằng tiền tại bãi xe Quang Thắng, đường N1, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Lúc 00 giờ 10 ngày 08/01/2021, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bình Dương phối hợp Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương tiến hành kiểm tra bãi xe Q, đường N1, khu phố Đ, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương phát hiện Lê Thị Q, Bùi Sử Thi K, Đặng Lê T, Tăng Cẩm H, Lê Hoàng L, Lê Thị H, Nguyễn Thành H, Trần Thành Đ, Nguyễn Tuấn K, Ngô Trọng S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Hà L, Nguyễn Trường V, Lữ Thành C, Dương Thụy Thúy H, Trần Thị Kim D, Phạm Thành V, Phạm Thành C có hành vi tụ tập đánh bạc bằng hình thức lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền tổng số tiền dùng để đánh bạc là 273.520.000 đồng, đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và đưa các đối tượng về trụ sở để làm việc, một số đối tượng chạy thoát.

Vật chứng thu giữ: số tiền tang thu được trên chiếu bạc 112.000.000 đồng, tiền xu để trong hộp giấy trong gần chiếu 3.000.000 đồng; 01 (một) cái đĩa, 01 nắp nhựa, 03 hột xí ngầu.

Quá trình điều tra, số tiền đánh bạc xác định như sau:

Lê Thị Q mang theo 1.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 800.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trong túi 200.000 đồng.

Bùi Sử Thi K mang theo 1.600.000 đồng, sử dụng 1.600.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 800.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trong túi 800.000 đồng.

Đặng Lê T mang theo 110.000.000 đồng, sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 3.000.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trong túi 102.000.000 đồng, trên chiếu bạc 5.000.000 đồng.

Tăng Cẩm H mang theo 4.000.000 đồng, sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 4.000.000 đồng.

Lê Hoàng L mang theo 3.000.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thắng 200.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trong túi 3.200.000 đồng.

Lê Thị H mang theo 1.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 1.000.000 đồng.

Nguyễn Thành H mang theo 3.000.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 2.700.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trong túi 300.000 đồng.

Trần Thành Đ mang theo 26.000.000 đồng, sử dụng 26.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc bị thua 21.000.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trong túi 4.000.000 đồng, trên chiếu bạc 1.000.000 đồng.

Nguyễn Tuấn K mang theo 2.520.000 đồng, sử dụng 2.520.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 2.500.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trong túi 20.000 đồng.

Ngô Trọng S mang theo 47.000.000 đồng, sử dụng 47.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 7.000.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trong túi 40.000.000 đồng.

Nguyễn Thanh B mang theo 72.000.000 đồng, sử dụng 35.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 1.000.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trong túi 71.000.000 đồng.

Nguyễn Hà L mang theo 40.000.000 đồng, sử dụng 40.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 20.000.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trên chiếu bạc 20.000.000 đồng.

Nguyễn Trường V mang theo 29.500.000 đồng, sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 1.200.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trong túi 28.000.000 đồng, trên chiếu bạc 300.000 đồng.

Lữ Thành C mang theo 97.000.000 đồng, sử dụng 97.000.000 đồng để đánh bạc; quá trình đánh bạc thua 63.000.000 đồng, khi bị bắt giữ thu trong túi 3.300.000 đồng, trên chiếu bạc 30.700.000 đồng.

Dương Thụy Thúy H khi đi đánh bạc mang theo số tiền 350.000 đồng, sử dụng 350.000 đồng đánh bạc, đánh 02 ván mỗi ván đặt 200.000 đồng, một ván thắng và một ván thua, khi bị bắt thu giữ 350.000 đồng trong túi.

Trần Thị Kim D, mang theo 550.000 đồng, sử dụng 550.000 đồng đánh bạc, thua 400.000 đồng, bị thu giữ 150.000 đồng trong túi.

Lữ Thành C làm cái, sau đó đến Nguyễn Hà L làm cái cho đến lúc bị bắt, mỗi ván các con bạc đặt tiền từ 200.000 đồng trở lên.

Tổng số tiền các bị cáo khai mang theo là 438.520.000 đồng.

Số tiền tang thu được trên chiếu bạc 112.000.000 đồng.

Tổng số tiền thu giữ trong người các bị cáo là 253.320.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo khai nhận sử dụng để đánh bạc là 273.520.000 đồng

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 370/2021/HS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thành V, Phạm Thành C phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Lê Thị Q, Bùi Sử Thi K, Đặng Lê T, Tăng Cẩm H, Lê Hoàng L, Lê Thị H, Nguyễn Thành H, Trần Thành Đ, Nguyễn Tuấn K, Ngô Trọng S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Hà L, Nguyễn Trường V, Lữ Thành C, Dương Thụy Thúy H, Trần Thị Kim D phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Hà L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 08/02/2021.

Xử phạt Dương Thụy Thúy H 03 (ba) năm (06 sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 08/02/2021.

Xử phạt Trần Thị Kim Dung 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 02/9/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự .

Xử phạt Lê Thị Q 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 02/9/2021.

Xử phạt bị cáo Lữ Thành C 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 08/02/2021.

Xử phạt bị cáo Ngô Trọng S 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 04/02/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 08/02/2021.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng L 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 04/02/2021.

Xử phạt bị cáo Đặng Lê T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 04/02/2021.

Xử phạt bị cáo Tăng Cẩm H 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 08/02/2021.

Xử phạt bị cáo Trần Thành Đ 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 04/02/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 02/9/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường V 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự .

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 12/5/2021.

Xử phạt bị cáo Bùi Sử Thi K 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 24/02/2021.

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thành V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 04/02/2021.

Xử phạt bị cáo Phạm Thành C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 04/02/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thành H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; tuyên về biện pháp ngăn chặn, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 13/12/2021, các bị cáo Lê Thị Q, Lê Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Ngày 14/12/2021, bị cáo Tăng Cẩm H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Hà L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/12/2021, bị cáo Lê Hoàng L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Ngày 16/12/2021, bị cáo Trần Thị Kim D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Ngày 19/12/2021, bị cáo Nguyễn Trường V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Ngày 20/12/2021, các bị cáo Lữ Thành C, Bùi Sử Thi K, Phạm Thành V, Phạm Thành C, Trần Thành Đ, Ngô Trọng S, Nguyễn Thanh B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Ngày 20/12/2021, bị cáo Dương Thị Thúy H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/12/2021, bị cáo Đặng Lê T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Ngày 22/12/2021, bị cáo Nguyễn Tuấn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm xác định, do vậy, có căn cứ xác định đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo V sử dụng địa điểm do mình quản lý cùng bị cáo C rủ các con bạc đến đánh bạc nhằm thu lợi bất chính, có 16 con bạc tham gia với tổng số tiền dùng để đánh bạc trên 20 triệu đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo C, L chuẩn bị bộ tài xỉu để các bị cáo lần lượt làm cái cho các bị cáo Q, K, T, H, L, H, Đ, K, S, B, L, V, C, H đặt tiền cá cược thắng thua với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 203.320.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo L, H, D đã có tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích mà xin hưởng án treo là không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng án treo. Bị cáo V, Q, L có tiền sự và nhân thân xấu về tội danh và hành vi đánh bạc và các bị cáo C, L làm cái nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Các bị cáo S, Đ, B sử dụng tiền để đánh bạc lớn từ 10 triệu đồng đến 47 triệu đồng nên mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù đối với các bị cáo là phù hợp.

Đối với các bị cáo K, H, H, K, Q, V sử dụng tiền để đánh bạc ít từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng trong tổng số tiền dùng để đánh bạc 203.320.000 đồng, thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có cơ sở xem xét quyết định áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo K, H, H và K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo H, K bị nhiễm HIV và bị cáo H có cha là thương binh bị nhiễm chất độc da cam nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo K, H ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo chấp hành án tại cộng đồng tạo điều kiện điều trị bệnh cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Do đó, không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo V, C, T, L, Đ, S, B, L, C, H, D. Có cơ sở xem xét một phần kháng cáo của các bị cáo H, K, K, H, Q, V.

Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo V, C, T, L, Đ, S, B, L, C, H, D. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo H, K, K, H, Q, V. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 370/2021/HS-ST ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương theo hướng: giảm từ 06-09 tháng tù đối với các bị cáo H, K, K, H và cho bị cáo K, H hưởng án treo; giảm từ 03-06 tháng tù đối với bị cáo Quyên, Vũ.

Tại phần tranh luận và trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

[2] Về nội dung: khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/01/2021 đến 00 giờ 10 phút ngày 08/01/2021, tại bãi xe Quang T, đường N1, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Phạm Thành C, Phạm Thành V sử dụng địa điểm của mình quản lý, tổ chức cho Lê Thị Q, Bùi Sử Thi K, Đặng Lê T, Tăng Cẩm H, Lê Hoàng L, Lê Thị H, Nguyễn Thành H, Trần Thành Đ, Nguyễn Tuấn K, Ngô Trọng S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Hà L, Nguyễn Trường V, Lữ Thành C, Dương Thụy Thúy H, Trần Thị Kim Đánh bạc với hình thức chơi tài xỉu thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 273.520.000 đồng. Hành vi của Phạm Thành C, Phạm Thành V đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Lê Thị Q, Bùi Sử Thi K, Đặng Lê T, Tăng Cẩm H, Lê Hoàng L, Lê Thị H, Trần Thành Đ, Nguyễn Tuấn K, Ngô Trọng S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Hà L, Nguyễn Trường V, Lữ Thành C, Dương Thụy Thúy H, Trần Thị Kim đánh bạc với hình thức chơi tài xỉu thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng đánh bạc là 273.520.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Hà L, Dương Thị Thúy H, Trần Thị Kim D:

Các bị cáo Nguyễn Hà L, Dương Thị Thúy H, Trần Thị Kim D đều có tiền án về tội “Đánh bạc”, chưa được xóa án tích, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Hà L còn là người trực tiếp cầm cái, sát phạt với các con bạc nên có vai trò tích cực hơn các bị cáo khác. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn là phù hợp. Các bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 6 (người phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm) Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, các bị cáo Dương Thụy Thúy H, Trần Thị Kim D tham gia đánh bạc với số tiền không lớn, bị cáo D sử dụng 550.000 đồng, bị cáo H sử dụng 350.000 đồng trên tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trong vụ án là 273.520.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức phạt 03 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Do vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dương Thụy Thúy H, Trần Thị Kim D là có căn cứ chấp nhận.

Các bị cáo Bùi Sử Thi K, Tăng Cẩm H, Lê Thị H, Trần Thành Đ, Nguyễn Tuấn K, Đặng Lê T đều phạm tội lần đầu; tham gia đánh bạc với số tiền không lớn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đều xử phạt các bị cáo với mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù là chưa phân hóa được vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, trường hợp của các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho các bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho xã hội; đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội. Do vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo Lê Thị Q và Lê Hoàng L mặc dù có nhân thân xấu nhưng số tiền tham gia đánh bạc không lớn, có vai trò không đáng kể; bị cáo Q tham gia với số

tiền 1.000.000 đồng, bị cáo L tham gia 3.000.000 đồng trên tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trong vụ án 273.520.000 đồng. Với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm của các bị cáo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, trường hợp của các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018.

Các bị cáo Nguyễn Thanh B và Ngô Trọng S tham gia đánh bạc với số tiền lớn, bị cáo S có nhân thân xấu, từng bị xử lý về hành vi đánh bạc; tuy nhiên để phân hóa trách nhiệm tung xướng với tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Lữ Thành C tham gia đánh bạc với số tiền lớn (97.000.000 đồng), có vai trò tích cực cùng Nguyễn Hà L cầm cái cho các con bạc khác đặt cược nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn là phù hợp. Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo Công là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Trường V, bản thân có tiền sự về hành vi đánh bạc, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính (ngày 12/11/2020, Công an xã B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (đóng phạt ngày 08/02/2021 (sau khi thực hiện hành vi đánh bạc ngày 07/01/2021)), do vậy trường hợp của bị cáo V không đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Tuy nhiên, bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền không lớn (1.500.000 đồng trên tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trong vụ án 273.520.000 đồng) nên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo để phân hóa vai trò, trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án.

Đối với bị cáo Phạm Thành C kháng cáo xin hưởng án treo, tuy nhiên bị cáo là người trực tiếp rủ rê, điện thoại cho các con bạc đến bãi giữ xe tham gia đánh bạc vào ngày 07/01/2021, trực tiếp quản lý bãi giữ xe, tạo điều kiện cho các con bạc tham gia đánh bạc để thu tiền xâu nên có vai trò tích cực, việc cho bị cáo hưởng án treo không đủ tính răn đe, giáo dục.

Đối với bị cáo Phạm Thành V, bị cáo cho các bị cáo khác sử dụng địa điểm nơi mình quản lý để các con bạc khác đánh bạc nhằm thu xâu, với tính chất mức độ

phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bằng hình phạt tù là phù hợp. Tuy nhiên, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực hỗ trợ chính quyền địa phương trong công tác phòng chống dịch được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, trường hợp của bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Kháng cáo của bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo K, H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, các bị cáo khác là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử quyết định mức phạt khác.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí phúc thẩm: các bị cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 355, các Điều 356 và 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hà L, Lữ Thành C và Phạm Thành C.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Q, Bùi Sử Thi K, Đặng Lê T, Tăng Cẩm H, Lê Hoàng L, Lê Thị H, Trần Thành Đ, Nguyễn Tuấn K, Ngô Trọng S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Trường V, Dương Thụy Thúy H, Trần Thị Kim D, Phạm Thành V.

3. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 370/2021/HS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Q, Bùi Sử Thi K, Đặng Lê T, Tăng Cẩm H, Lê Hoàng L, Lê Thị H, Trần Thành Đ, Nguyễn Tuấn K, Ngô Trọng S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Trường V, Dương Thụy Thúy H, Trần Thị Kim D và Phạm Thành V như sau:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Q, Bùi Sử Thi K, Đặng Lê T, Tăng Cẩm H, Lê Hoàng L, Lê Thị H, Trần Thành Đ, Nguyễn Tuấn K, Ngô Trọng S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Hà L, Nguyễn Trường V, Lữ Thành C, Dương Thụy Thúy H, Trần Thị Kim D phạm tội “Đánh Bạc”. Các bị cáo Phạm Thành V, Phạm Thành C phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

3.1. Áp dụng các điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 5; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thành C 01 (một) năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 04/02/2021.

3.2. Áp dụng các điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thành V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án phúc thẩm (24-6-2022).

Giao bị cáo Phạm Thành V về Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phạm Thành V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lữ Thành C 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 08/01/2021 đến ngày 08/02/2021.

3.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/01/2021 đến ngày 08/02/2021.

3.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thụy Thúy H 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 12/5/2021.

3.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim D 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 02/9/2021.

3.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Trọng S 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 04/02/2021.

3.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 08/02/2021.

3.9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 38; Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường V 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 17/01/2021.

3.10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 38, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án phúc thẩm (24-6-2022).

Giao bị cáo Lê Thị Q về Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Thị Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 38, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng L 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án phúc thẩm (24-6-2022).

Giao bị cáo Lê Hoàng L về Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Hoàng L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 38, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Lê T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án phúc thẩm (24-6-2022).

Giao bị cáo Đặng Lê T về Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đặng Lê T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 38, Điều 54; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tăng Cẩm H 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án phúc thẩm (24-6-2022).

Giao bị cáo Tăng Cẩm H về Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Tăng Cẩm H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 38; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thành Đ 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án phúc thẩm (24-6-2022).

Giao bị cáo Trần Thành Đ về Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Thành Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 38, Điều 54; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án phúc thẩm (24-6-2022).

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn K về Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Tuấn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.16. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 38, Điều 54; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án phúc thẩm (24-6-2022).

Giao bị cáo Lê Thị H về Ủy ban nhân dân phường Hố Nai, thành phố B, tỉnh Đồng Nai trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo

Lê Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.17. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 38, Điều 54; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Sử Thi K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án phúc thẩm (24-6-2022).

Giao bị cáo Bùi Sử Thi K về Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Bùi Sử Thi Ka thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Hà L, Lữ Thành C, Phạm Thành C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm.

Các bị cáo cáo Lê Thị Q, Bùi Sử Thi K, Đặng Lê T, Tăng Cẩm H, Lê Hoàng L, Lê Thị H, Trần Thành Đ, Nguyễn Tuấn K, Ngô Trọng S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Trường V, Dương Thụy Thúy H, Trần Thị Kim D, Phạm Thành V không phải nộp.

5. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố D (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, LTH, 20.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sang